

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 39



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây dựng giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Thành viên
Ông Trịnh Hoàng Duy	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thành	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quý Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



 **Nguyễn Thành Phương**
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Số: 119 /Deloitte- AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 6 đến 39. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

- Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ thông báo “Ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ. Chi tiết của các vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Các khoản công nợ tiềm tàng. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý (Tiếp theo):

- Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2011

Vũ Mai Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0897/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		15.884.743.850.045	17.440.794.658.878
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.364.716.568.202	2.927.852.392.783
1. Tiền	111		618.189.376.754	1.197.742.449.391
2. Các khoản tương đương tiền	112		746.527.191.448	1.730.109.943.392
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	181.625.935.399	220.191.695.390
1. Đầu tư ngắn hạn	121		200.065.489.444	231.820.808.371
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(18.439.554.045)	(11.629.112.981)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.514.549.530.406	6.696.126.997.875
1. Phải thu khách hàng	131		3.612.333.937.166	4.462.297.513.238
2. Trả trước cho người bán	132		1.174.127.732.334	1.868.876.335.870
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		2.907.819.605	2.722.032.046
4. Các khoản phải thu khác	135	7	830.128.815.678	437.735.977.420
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(104.948.774.377)	(75.504.860.699)
IV. Hàng tồn kho	140	8	7.837.589.187.380	6.709.969.685.584
1. Hàng tồn kho	141		7.858.436.850.556	6.727.361.253.190
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.847.663.176)	(17.391.567.606)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		986.262.628.658	886.653.887.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		69.505.808.875	64.717.702.854
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		128.253.548.168	114.098.324.886
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		87.942.547.743	63.596.046.765
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	700.560.723.872	644.241.812.741

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		13.449.906.380.354	14.246.094.516.191
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		123.126.935.331	52.652.551.181
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.949.723.102	2.295.609.138
2. Phải thu dài hạn khác	218		121.977.465.835	51.225.309.779
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(800.253.606)	(868.367.736)
II. Tài sản cố định	220		10.406.782.207.095	11.118.629.175.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.765.478.237.178	9.019.216.567.739
- Nguyên giá	222		9.808.911.381.311	11.019.402.128.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.043.433.144.133)	(2.000.185.561.061)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	62.354.100.815	65.566.280.551
- Nguyên giá	225		87.675.755.286	86.515.273.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(25.321.654.471)	(20.948.992.819)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	59.879.639.201	58.894.662.424
- Nguyên giá	228		66.260.688.126	64.932.574.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.381.048.925)	(6.037.912.334)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	2.519.070.229.901	1.974.951.665.109
III. Bất động sản đầu tư	240	14	740.291.816.344	753.656.769.717
- Nguyên giá	241		856.990.247.880	846.728.725.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(116.698.431.536)	(93.071.955.884)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.603.355.218.178	1.731.567.725.181
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	1.159.797.872.558	1.207.346.527.056
2. Đầu tư dài hạn khác	258	16	470.510.053.985	541.544.490.154
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259	16	(26.952.708.365)	(17.323.292.029)
V. Tài sản dài hạn khác	260		572.050.149.632	582.543.219.457
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	280.187.199.336	282.390.648.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		278.547.813.228	286.376.799.570
3. Tài sản dài hạn khác	268		13.315.137.068	13.775.771.703
VI. Lợi thế thương mại	269		4.300.053.774	7.045.074.832
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		29.334.650.230.399	31.686.889.175.069

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị: VND

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.040.595.371.180	5.989.434.086.249
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		28.647.781.571	23.348.506.611
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	6.011.947.589.609	5.966.085.579.638
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	5.193.435.114.171	4.882.055.464.338
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		818.512.475.438	1.084.030.115.300
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	580.369.545.739	264.921.053.637
7. Chi phí tài chính	22	26	823.991.743.938	509.108.013.972
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		470.485.975.762	397.759.513.555
8. Chi phí bán hàng	24		73.381.677.688	266.525.147.062
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		372.626.887.844	324.662.586.641
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		128.881.711.707	248.655.421.262
11. Thu nhập khác	31		38.069.358.931	56.636.234.430
12. Chi phí khác	32		13.075.472.611	33.093.121.706
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	24.993.886.320	23.543.112.724
14. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		41.562.732.303	52.727.884.076
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		195.438.330.330	324.926.418.062
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		56.148.462.886	118.659.566.830
17. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		8.065.681.484	(14.681.048.207)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		131.224.185.960	220.947.899.439
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		32.453.936.687	109.469.920.857
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		98.770.249.273	111.477.978.582
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	329	602



Nguyễn Thanh Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	195.438.330.330	324.926.418.062
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	309.586.654.920	310.531.653.499
Các khoản dự phòng	03	49.271.752.518	12.096.194.816
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(18.741.961.973)	(49.725.719.466)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(255.702.977.301)	(127.389.946.478)
Chi phí lãi vay	06	470.485.975.762	397.759.513.555
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	750.337.774.256	868.198.113.988
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	89.824.112.015	(1.087.702.221.783)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(1.157.269.731.816)	(335.695.591.401)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	1.009.150.654.834	219.346.238.887
(Tăng) chi phí trả trước	12	(30.085.795.919)	(183.584.719.803)
Tiền lãi vay đã trả	13	(461.012.387.722)	(394.056.926.957)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(163.123.300.212)	(176.701.491.640)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	120.704.073.411	314.192.378.030
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(510.083.696.911)	(188.978.032.163)
Giảm tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm Công ty mẹ thoái vốn đầu tư		(15.580.359.353)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(367.138.657.417)	(964.982.252.842)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(696.003.047.665)	(611.846.085.358)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	14.142.447.763	23.589.070.558
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(873.933.032.741)	(555.300.375.740)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	668.205.593.843	42.259.193.304
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(126.667.530.000)	(120.091.290.979)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	160.106.467.041	8.722.200.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	170.388.695.793	192.050.386.088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(683.760.405.966)	(1.020.616.902.127)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được

2. Tiền chi trả nợ gốc vay

3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính

4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ

Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ

Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
33	3.631.585.991.215	5.637.568.037.300
34	(3.096.683.313.466)	(3.253.946.129.864)
35	(650.671.292.867)	-
36	(351.652.735.300)	(73.800.210)
40	(467.421.350.418)	2.383.548.107.226
50	(1.518.320.413.801)	397.948.952.257
60	2.927.852.392.783	2.503.043.407.719
61	(44.815.410.780)	-
70	1.364.716.568.202	2.900.992.359.976



Nguyễn Thành Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần 5 ngày 27 tháng 01 năm 2011. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 39 công ty con. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại các công ty con tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại các công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ (%)
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	55,14%	55,14%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	50,98%	50,98%
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	51,00%	51,00%
4	Công ty Xây dựng số 4	100,00%	100,00%
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51,00%	51,00%
6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	51,47%	51,47%
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	51,00%	51,00%
8	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54,33%	54,33%
9	Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	73,59%	73,59%
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	65,27%	48,16%
11	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	52,60%	52,60%
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51,00%	51,00%
13	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	82,16%	82,16%
14	Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	60,00%	60,00%
15	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	51,00%	51,00%
16	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	86,55%	79,61%
17	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex Dung Quất	95,51%	95,51%
18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2	72,78%	72,40%
19	Công ty Cổ phần VIMECO	51,40%	51,40%
20	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	77,15%	76,74%
21	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	51,00%	51,00%
22	Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	51,00%	51,00%
23	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	56,90%	56,90%
24	Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	51,00%	51,00%
25	Công ty Cổ phần Xi măng Vinaconex Lương Sơn - Hòa Bình	55,00%	55,00%
26	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	95,26%	85,76%
27	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch	55,68%	55,68%
28	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	51,00%	51,00%
29	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex	53,56%	53,56%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

30	Công ty Cổ phần ĐTVT nhà và đô thị Vinaconex	70,00%	70,00%
31	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	51,00%	51,00%
32	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Vinaconex Thanh Hóa	64,10%	62,63%
33	Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	55,49%	39,85%
34	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	100,00%	99,82%
35	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	55,00%	55,00%
36	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51,20%	51,10%
37	Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	98,93%	57,48%
38	Công ty Cổ phần Sản giao dịch bất động sản Vinaconex	58,17%	44,66%
39	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	51,93%	51,93%

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)

- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản lưu động với số tiền là 1.109.350.268.434 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đang bị âm và Tổng Công ty có khoản lỗ lũy kế là 539.441.739.566 VND. Các vấn đề này dẫn đến ảnh hưởng về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng trong thời gian tới luồng tiền thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ tăng lên do có nhiều dự án công trình bàn giao cho khách hàng và chủ đầu tư (dự kiến dự án N05 sẽ hoàn thành và bàn giao cho khách hàng vào cuối năm 2011), bên cạnh đó Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên 5.000 tỷ đồng, các nguồn tiền thu dự kiến này sẽ đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Thêm vào đó, Tổng Công ty đã ký các hợp đồng vay ngắn hạn với các Ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất năm của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì chi phí này đã được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	7
Tài sản cố định khác	4 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 44
Máy móc, thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính và phần mềm hệ thống giám sát mạng lưới từ xa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)****Từ ngày 01/01/2011****đến ngày 30/06/2011****(Số năm)**

Nhà cửa và vật kiến trúc

7 - 25

Quyền sử dụng đất

7 - 25

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng được lập. Khoản dự phòng chỉ chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Chi phí trả trước dài hạn**Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

Lợi thế thương mại và thương hiệu

Lợi thế thương mại và thương hiệu phản ánh giá trị của lợi thế thương mại và thương hiệu "Vinaconex" do Tổng Công ty tạo ra trong nội bộ từ ngày thành lập đến ngày đánh giá lại Tổng Công ty. Giá trị của lợi thế thương mại và thương hiệu được xác định là một phần giá trị đánh giá lại của Tổng Công ty cho mục đích cổ phần hóa theo Thông tư số 126/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2004. Lợi thế thương mại và thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày ghi nhận ban đầu.

Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu

Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu thể hiện phí bảo lãnh phát hành trái phiếu đã trả và phải trả cho Ngân hàng liên quan đến việc phát hành trái phiếu dài hạn. Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm kể từ ngày phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Tổng Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Tổng Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho xây dựng đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu trợ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi có Quyết định phê duyệt chính thức cấp kinh phí trợ cấp của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Doanh thu từ Hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 tăng khoảng 668,8 tỷ đồng (năm 2010: tăng 254,9 tỷ đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập tiền lãi từ các quỹ đầu tư và các khoản cho vay, thu nhập cổ tức, thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào ngày mà quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty được thiết lập. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các rủi ro và lợi ích chủ yếu gắn với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Các rủi ro và lợi ích chủ yếu gắn với quyền sở hữu được chuyển giao phụ thuộc vào việc hoàn thành giao dịch kinh doanh (đối với chứng khoán niêm yết) hoặc việc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí tài chính bao gồm chi phí tiền lãi từ các khoản vay và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh theo phương pháp lãi suất thực tế, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá các tài sản cố định liên quan.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong vòng 5 năm tiếp theo. Tuy nhiên, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	74.473.889.658	45.403.333.079
Tiền gửi ngân hàng	530.697.177.096	1.152.299.116.312
Tiền đang chuyển	13.018.310.000	40.000.000
Các khoản tương đương tiền (i)	746.527.191.448	1.730.109.943.392
	1.364.716.568.202	2.927.852.392.783

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	140.507.634.346	175.430.464.467
Cho vay ngắn hạn	19.604.556.823	16.800.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	32.453.298.275	39.590.343.904
Đầu tư ngắn hạn khác	7.500.000.000	-
	200.065.489.444	231.820.808.371
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(18.439.554.045)	(11.629.112.981)
	181.625.935.399	220.191.695.390

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu từ các đối tượng xây dựng	66.407.321.458	71.859.514.332
Cho vay ngắn hạn	349.072.143.688	1.700.000.000
Phải thu tiền tạm ứng thực hiện dự án, tạm ứng khác	59.708.171.821	50.252.748.504
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	672.500.000	7.240.421.400
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.981.386.657	26.394.955.554
Phải thu khác	349.287.292.054	280.288.337.630
	830.128.815.678	437.735.977.420

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	6.731.184.602	9.815.777.375
Nguyên liệu, vật liệu	357.069.825.134	306.260.522.894
Công cụ, dụng cụ	622.232.630.379	195.381.398.688
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	6.590.214.116.725	5.982.882.876.377
Thành phẩm	267.044.940.217	203.382.198.966
Hàng hoá	7.726.530.700	24.072.765.185
Hàng gửi đi bán	7.417.622.799	5.565.713.705
	7.858.436.850.556	6.727.361.253.190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.847.663.176)	(17.391.567.606)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	7.837.589.187.380	6.709.969.685.584

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình Khu nhà ở công nhân tại xã Kim Chung-Đông Anh Hà Nội, Khu nhà ở cao tầng hỗn hợp N05 Đông Nam Trần Duy Hưng, Dự án Bảo tàng Hà Nội và các công trình khác.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi sự nghiệp (i)	91.684.541.356	92.603.482.052
Tài sản ngắn hạn khác	608.876.182.516	551.638.330.689
	700.560.723.872	644.241.812.741

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản "Nguồn kinh phí" thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản "Chi sự nghiệp" thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	4.355.594.128.379	4.786.270.054.017	880.122.066.693	997.415.879.711	11.019.402.128.800
Mua trong kỳ	3.363.395.730	56.015.377.781	14.828.522.250	20.741.967.188	94.949.262.949
Xây dựng cơ bản hoàn thành	11.168.514.329	33.404.199.474	1.861.122.071	46.461.362	46.480.297.236
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.460.099.493)	-	-	-	(3.460.099.493)
Thanh lý	(8.669.362.553)	(14.854.162.076)	(4.582.790.353)	(1.268.855.325)	(29.375.170.307)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)	(580.660.395.740)	(685.332.294.470)	(49.579.156.505)	(1.441.435.911)	(1.317.013.282.626)
Tăng/(giảm) khác trong kỳ	(1.564.608.404)	622.977.351	(944.503.671)	(185.620.524)	(2.071.755.248)
Tại ngày 30/6/2011	3.775.771.572.248	4.176.126.152.077	841.705.260.485	1.015.308.396.501	9.808.911.381.311
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	521.201.143.878	1.126.199.964.558	296.547.860.425	56.236.592.200	2.000.185.561.061
Khấu hao trong kỳ	106.578.949.994	117.715.031.713	47.580.729.327	8.265.862.010	280.140.573.044
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(143.877.326)	-	-	-	(143.877.326)
Thanh lý	(4.716.681.166)	(14.010.629.685)	(4.490.176.773)	(1.262.998.742)	(24.480.486.366)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)	(55.945.381.057)	(142.203.918.207)	(11.605.030.310)	(885.527.649)	(210.639.857.223)
Tăng/(giảm) khác trong kỳ	80.808.024	(1.372.326.582)	(149.147.150)	(188.103.349)	(1.628.769.057)
Tại ngày 30/6/2011	567.054.962.347	1.086.328.121.797	327.884.235.519	62.165.824.470	2.043.433.144.133
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	3.208.716.609.901	3.089.798.030.280	513.821.024.966	953.142.572.031	7.765.478.237.178
Tại ngày 31/12/2010	3.834.392.984.501	3.660.070.089.459	583.574.206.268	941.179.287.511	9.019.216.567.739

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại các Công ty con: Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình, Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm thoái vốn được ghi giảm với số tiền lần lượt là 1.317.013.282.626 đồng và 210.639.857.223 đồng.

Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 1.013.069 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2010: 2.535.740 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Toàn bộ giá trị còn lại của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả và các hợp đồng thuê đất của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả được dùng để làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng dài hạn giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho các khoản vay tài trợ cho Dự án xây dựng Nhà máy Xi măng Cẩm Phả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	2.393.958.725	4.217.277.562	79.904.037.083	86.515.273.370
Tăng	1.795.217.000	-	-	1.795.217.000
Phân loại lại	-	-	(634.735.084)	(634.735.084)
Tại ngày 30/6/2011	4.189.175.725	4.217.277.562	79.269.301.999	87.675.755.286
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	796.095.920	3.537.134.986	16.615.761.913	20.948.992.819
Khấu hao trong kỳ	199.011.661	253.504.112	4.222.847.992	4.675.363.765
Phân loại lại	-	-	(302.702.113)	(302.702.113)
Tại ngày 30/6/2011	995.107.581	3.790.639.098	20.535.907.792	25.321.654.471
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2011	3.194.068.144	426.638.464	58.733.394.207	62.354.100.815
Tại ngày 31/12/2010	1.597.862.805	680.142.576	63.288.275.170	65.566.280.551

Tài sản cố định thuê tài chính chủ yếu thể hiện:

- Hệ thống cấp nước phía Tây Nam thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê tài sản cố 21/HĐKT-NSHN và Biên bản bàn giao tài sản ngày 25 tháng 3 năm 2009 ký với Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội với tổng giá trị khoảng 93 tỷ đồng, trong đó có 11 tỷ đồng là tài sản góp vốn theo Biên bản góp vốn ngày 30 tháng 10 năm 2010. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê tài sản kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2009 cho đến khi tài sản hết khấu hao. Số tiền thuê hàng năm phải trả bằng với giá trị khấu hao trong năm của tài sản.

- Thuê tài chính máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải khác.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	60.236.596.544	3.082.295.028	1.613.683.186	64.932.574.758
Tăng trong kỳ	8.291.305.131	-	290.425.000	8.581.730.131
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)	(7.103.437.763)	-	(25.500.000)	(7.128.937.763)
Tăng/(giảm) khác trong kỳ	-	-	(124.679.000)	(124.679.000)
Tại ngày 30/6/2011	61.424.463.912	3.082.295.028	1.753.929.186	66.260.688.126
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	4.145.653.128	1.084.739.439	807.519.767	6.037.912.334
Khấu hao trong kỳ	757.023.287	280.002.879	107.216.293	1.144.242.459
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn (*)	(669.502.728)	-	(25.500.000)	(695.002.728)
Tăng/(giảm) khác	(96.143.146)	-	(9.959.994)	(106.103.140)
Tại ngày 30/6/2011	4.137.030.541	1.364.742.318	879.276.066	6.381.048.925
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2011	57.287.433.371	1.717.552.710	874.653.120	59.879.639.201
Tại ngày 31/12/2010	56.090.943.416	1.997.555.589	806.163.419	58.894.662.424

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại các Công ty con: Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình, Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex. Nguyên giá tài sản cố định vô hình và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm thoái vốn được ghi giảm với số tiền lần lượt là 7.128.937.763 đồng và 695.002.728 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,

Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công trình Khu công nghiệp Bắc Phú Cát	331.887.370.301	328.802.816.452
Công trình Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát	510.008.047.926	423.307.656.445
Khu đô thị du lịch Cái Giã - Cát Bà	499.359.076.578	387.665.551.825
Công trình Trung tâm thương mại Chợ Mơ	303.188.705.468	239.747.101.982
Dự án Mở đường vào khu Trung Văn	44.511.442.028	44.326.467.937
Dự án cấp nước Tây Nam Hà Nội	52.451.112.483	29.866.806.454
Dự án khu trung tâm thương mại	6.171.370.881	6.403.787.849
Công trình Nhà máy Bê tông dự ứng lực Long An	92.606.620.195	60.741.011.695
Dự án 34 Cầu Diễn	98.740.400.500	37.334.623.812
Dự án Chung cư 19 Đại Từ	16.837.369.321	15.170.343.208
Dự án 136 Hồ Tùng Mậu	108.216.154.602	62.616.796.081
Các dự án khác	455.092.559.618	338.968.701.369
	2.519.070.229.901	1.974.951.665.109

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	670.165.016.755	9.627.543.200	166.936.165.646	846.728.725.601
Xây dựng cơ bản hoàn thành	11.102.670.279	-	138.852.000	11.241.522.279
Phân loại lại	(980.000.000)	-	-	(980.000.000)
Tại ngày 30/6/2011	680.287.687.034	9.627.543.200	167.075.017.646	856.990.247.880
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	66.259.739.584	1.546.410.089	25.265.806.211	93.071.955.884
Khấu hao trong kỳ	17.533.837.167	192.550.864	5.900.087.621	23.626.475.652
Tại ngày 30/6/2011	83.793.576.751	1.738.960.953	31.165.893.832	116.698.431.536
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2011	596.494.110.283	7.888.582.247	135.909.123.814	740.291.816.344
Tại ngày 31/12/2010	603.905.277.171	8.081.133.111	141.670.359.435	753.656.769.717

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động cần được trình bày. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tổng Công ty không trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có giá trị thị trường để đánh giá giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động chính
Công ty liên doanh					
1	Công ty TNHH phát triển đô thị mới An Khánh	Hà Nội	50,00%	50,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex-Taisei	Hà Nội	29,00%	29,00%	Xây dựng, kinh doanh bất động sản
3	Công ty TNHH Vina-Sanwa	Hà Nội	40,00%	40,00%	Sản xuất công nghiệp
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex	Hà Nội	36,40%	36,40%	Sản xuất công nghiệp
2	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53%	46,43%	Thương mại - dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm Vinavico	Hà Nội	31,53%	31,13%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex UPGC	Hà Nội	35,03%	30,54%	Thương mại - dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung	Thanh Hóa	21,54%	19,79%	Sản xuất công nghiệp
6	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	Hà Nội	39,00%	36,27%	Tài chính - ngân hàng
7	Công ty Cổ phần Ống sợi thủy tinh Vinaconex	Vĩnh Phúc	43,89%	27,46%	Sản xuất công nghiệp
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Vinaconex - Hoàng Thành	Hà Nội	37,50%	31,89%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Yên Bái	26,00%	26,00%	Sản xuất xi măng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán và góp vốn vào các Công ty cổ phần	366.947.664.586	348.792.490.154
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	150.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	103.562.389.399	42.752.000.000
	<u>470.510.053.985</u>	<u>541.544.490.154</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn (*)	(26.952.708.365)	(17.323.292.029)
	<u>443.557.345.620</u>	<u>524.221.198.125</u>

(*) Tổng Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	1.507.625.034
Công cụ dụng cụ phân bổ	93.902.992.702	62.917.389.899
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	5.370.052.213	5.940.896.918
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	13.393.110.048	5.856.613.707
Vật tư luân chuyển	27.905.570.432	3.969.417.553
Chi phí thành lập doanh nghiệp	1.223.016.092	223.426.116
Khác	138.392.457.849	201.975.278.957
	<u>280.187.199.336</u>	<u>282.390.648.184</u>

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	3.439.571.590.897	3.296.779.393.581
- Vay tại Công ty mẹ	301.128.060.718	137.696.729.429
- Vay tại các công ty con	3.138.443.530.179	3.159.082.664.152
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	4.131.862.828.728	1.053.305.229.704
- Vay tại Công ty mẹ	2.704.068.971.775	692.222.461.131
- Vay tại các công ty con	1.427.793.856.953	361.082.768.573
	<u>7.571.434.419.625</u>	<u>4.350.084.623.285</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngân hàng	2.854.301.412.071	2.663.767.114.119
Vay ngắn hạn cá nhân	154.086.826.465	134.635.600.257
Vay ngắn hạn khác	431.183.352.361	498.376.679.205
Vay dài hạn đến hạn trả	4.131.862.828.728	1.053.305.229.704
	<u>7.571.434.419.625</u>	<u>4.350.084.623.285</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	104.189.019.875	227.069.805.355
Thuế xuất nhập khẩu	-	261.945.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.175.033.038	169.149.870.364
Thuế thu nhập cá nhân	7.154.901.261	9.674.765.294
Thuế tài nguyên	2.804.421.078	4.030.359.414
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.950.306.513	3.145.372.889
Các loại thuế khác	6.090.375.946	23.888.892.430
	184.364.057.711	437.221.011.586

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả các đối tượng xây dựng	270.837.126.616	364.674.914.484
Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (i)	570.000.000.000	570.000.000.000
Đặt cọc	19.107.608.918	28.339.553.052
Kinh phí bảo trì nhà chung cư (ii)	91.565.655.345	116.028.301.892
Phải trả lãi tiền vay	29.704.005.709	49.934.423.378
Cổ tức phải trả	23.992.272.878	22.873.032.590
Phải nộp Ngân sách	5.948.259.518	25.553.949.238
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	185.095.592.201	396.351.456.564
	1.196.250.521.185	1.573.755.631.198

(i) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Vinaconex về việc thành lập một công ty liên doanh để đầu tư xây dựng một khu tổ hợp thương mại tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng.

(ii) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	7.436.239.175.609	8.108.736.235.555
- Vay tại Công ty mẹ	5.438.653.205.097	5.436.475.628.721
- Vay tại các công ty con	1.997.585.970.512	2.672.260.606.834
Trái phiếu phát hành	2.000.000.000.000	2.075.000.000.000
- Tại Công ty mẹ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Tại các công ty con	-	75.000.000.000
	9.436.239.175.609	10.183.736.235.555
Số phải trả trong vòng 12 tháng	(4.131.862.828.728)	(1.053.305.229.704)
Số phải trả sau 12 tháng	5.304.376.346.881	9.130.431.005.851

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn tại Công ty mẹ như sau:

			30/6/2011	31/12/2010
			VND	VND
Ngân hàng	Tiền tệ	Đáo hạn		
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	VND	2014	48.939.056.788	57.095.566.253
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(i) VND	2014	32.550.000.000	147.050.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(ii) VND	2018	72.000.000.000	72.780.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	(iii) VND	2014	1.390.556.031.224	1.463.743.190.761
- Ngân hàng Trung Quốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD	2013	41.306.306.968	45.514.272.354
- Ngân hàng BNP Paribas	(iv) USD	2016	305.019.785.009	226.761.286.304
- Ngân hàng BNP Paribas	(v) EUR	2016	1.072.025.393.508	978.943.041.836
- Ngân hàng Natexis	(vi) USD	2016	196.733.422.693	193.549.178.208
- Tổng Công ty Thiết bị nặng quốc gia Trung Quốc	(vii) USD	2016	300.912.058.866	301.424.197.732
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	VND	2012	1.061.359.942.870	1.061.359.942.870
- Ngân hàng Hợp tác phát triển quốc tế Nhật Bản (JBIC)	(viii) JPY	2018	917.251.207.171	888.254.952.403
- Trái phiếu Vinaconex	(ix) VND	2012	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Cộng			7.438.653.205.097	7.436.475.628.721

- (i) Ngày 5 tháng 10 năm 2007, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công thương Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam), với số tiền 261.550.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm 8 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng, bắt đầu từ tháng thứ 36 kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 15 tháng 11 năm 2007). Khoản vay chịu lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng (+) 2,75%/năm và được trả cùng với kỳ trả nợ gốc. Tổng Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ, Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Khoản vay bổ sung từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho Dự án 34 Láng Hạ theo hợp đồng vay số 26032010 NHCT-VINACONEX/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2010. Khoản vay được trả làm 8 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng bắt đầu từ ngày 25 tháng 11 năm 2011, lãi vay được trả cùng với kỳ trả nợ gốc. Tổng Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất của Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ, Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam) có hạn mức tối đa là 1.830 tỷ VND và chịu lãi suất từ 10,5% đến 13,94% (năm 2009: từ 10,21% đến 18,47%). Khoản vay này được bảo đảm bằng các động sản và bất động sản của Nhà máy Xi măng Cẩm Phả và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với giá trị tạm tính là 4.375 tỷ VND và đất và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Láng Hạ, Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iv) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (v) Tổng Công ty ký các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris vào ngày 21 tháng 10 năm 2004 và ngày 28 tháng 3 năm 2005 với tổng giá trị các khoản vay là 60.858.000 EURO. Khoản vay này chịu lãi suất là EURIBOR cộng (+) 0,325%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 1 năm 2007 và 30 tháng 6 năm 2008. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (vi) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng (+) 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.
- (vii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (viii) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất cố định là 2,05%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 8 tháng 9 năm 2008.
- (ix) Khoản này thể hiện trái phiếu do Tổng Công ty phát hành ngày 25 tháng 5 năm 2010 với kỳ hạn 2 năm. Khoản trái phiếu này có gốc bằng đồng Việt Nam với mệnh giá là 1.000.000.000 VND/trái phiếu và chịu lãi suất năm đầu là 14%/năm, lãi suất năm sau bằng bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân, trả sau kỳ hạn 12 tháng bằng VND được công bố tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Chi nhánh Thành phố Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch) cộng (+) với lãi suất biên 3,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND				VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	1.850.803.870.000	350.952.370.000		269.453.601	(119.682.444.292)	243.025.106.060	59.594.490.524	994.863.116	(72.936.593.861)
Tăng trong năm	1.149.196.130.000	4.152.532.000		685.319.766	-	1.903.127.652	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	198.585.779.361
Phân bổ chênh lệch tỷ giá của khoản vay dài hạn theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính	-	-	-	-	14.697.959.500	-	-	-	-
Tăng do lợi ích Công ty mẹ thay đổi do bổ sung/giảm trừ vốn đầu tư tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	39.500.837.656
Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	179.208.590.803	28.234.377.795	1.314.164.150	(208.757.132.748)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thường ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	(76.060.872.683)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(351.652.735.300)
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay dài hạn theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính	-	-	-	-	(150.000.257.511)	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.249.193.678)	(993.551.390)	-
Tại ngày 01/01/2011	3.000.000.000.000	355.104.902.000		954.773.367	(254.984.742.303)	424.136.824.515	85.579.674.641	1.315.475.876	(471.320.717.575)
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.087.839.765	-	3.042.613.132	-	6.922.859	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	98.770.249.273
Chênh lệch tỷ giá tăng trong kỳ	-	-	-	-	(413.866.336.636)	-	-	-	-
Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	71.258.641.204	15.387.146.474	2.087.211.319	(88.732.998.997)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thường ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	(45.522.010.108)
Giảm lợi ích Công ty mẹ do biến động tài sản thuần của Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	(18.834.782.964)
Giảm trong kỳ	-	-	-	(3.042.613.132)	-	(5.708.666.052)	(525.052.052)	-	(13.801.479.195)
Tại ngày 30/6/2011	3.000.000.000.000	355.104.902.000		-	(668.851.078.939)	492.729.412.799	100.441.769.063	3.409.610.054	(539.441.739.566)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong năm/kỳ như sau:**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010	
	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	185.080.387	1.850.803.870.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	114.919.613	1.149.196.130.000
Số dư cuối năm	300.000.000	3.000.000.000.000
	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	
	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	300.000.000	3.000.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. DOANH THU**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	3.334.140.912.077	3.041.593.232.457
Doanh thu sản xuất công nghiệp	1.815.015.611.730	1.739.181.694.188
Doanh thu kinh doanh bất động sản	526.189.446.488	858.031.851.713
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.825.792.498	73.691.771.468
Doanh thu khác	312.423.608.387	276.935.536.423
	6.040.595.371.180	5.989.434.086.249
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	28.293.870.064	21.602.528.362
Giảm giá hàng bán	337.161.233	1.591.512.080
Hàng bán bị trả lại	16.750.274	154.466.169
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.011.947.589.609	5.966.085.579.638

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	2.948.007.400.197	2.715.998.539.878
Giá vốn sản xuất công nghiệp	1.556.089.460.310	1.325.432.190.546
Giá vốn kinh doanh bất động sản	407.526.882.012	587.427.433.656
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	38.619.792.299	50.597.162.889
Giá vốn hàng bán khác	243.191.579.353	202.600.137.369
	5.193.435.114.171	4.882.055.464.338

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	109.490.908.685	86.623.017.115
Lãi chênh lệch tỷ giá	332.130.747.595	148.765.357.346
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.461.144.233	3.116.348.120
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	1.635.065.328
Lãi bán chứng khoán	2.458.438.800	5.227.433.185
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	124.600.568.385	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.227.738.041	19.553.832.543
	580.369.545.739	264.921.053.637

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	470.485.975.762	397.759.513.555
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.730.486.278	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	313.388.785.622	99.039.637.880
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	26.864.940.363	4.563.783.615
Chi phí tài chính khác	11.521.555.913	7.745.078.922
	823.991.743.938	509.108.013.972

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	8.056.929.317	34.195.110.418
Các khoản thu nhập khác	30.012.429.614	22.441.124.012
Thu nhập khác	38.069.358.931	56.636.234.430
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	592.750.160	9.370.095.639
Các khoản chi phí khác	12.482.722.451	23.723.026.067
Chi phí khác	13.075.472.611	33.093.121.706
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	24.993.886.320	23.543.112.724

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ trong kỳ là 98.770.249.273 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010: 111.477.978.582 đồng) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 300.000.000 (kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010: 185.080.387), được thực hiện như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	131.224.185.960	220.947.899.439
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ	98.770.249.273	111.477.978.582
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	300.000.000	185.080.387
Lãi trên cổ phiếu	329	602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo “Ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam”. Phó Thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng có ý kiến kết luận một số vấn đề như sau:

- Khoản tiền lãi do sử dụng các khoản tiền chưa nộp: Vinaconex không phải nộp tiền lãi do sử dụng các khoản tiền chưa nộp.
- Giao Bộ Tài chính ban hành quyết định thu nộp ngân sách Nhà nước giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.562 m² đất lưu không mà Vinaconex xây dựng các nhà nổi tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính. Vấn đề này Vinaconex đang giải trình, làm việc với Bộ Tài chính và sẽ trình Thủ tướng Chính phủ để có quyết định cuối cùng.
- Giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xác định thời điểm phát sinh giá trị quyền phát triển Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định của Pháp luật.
- Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật khoản giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích Vinaconex được giao thực hiện dự án khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính và giá trị tăng 1 các chung cư cao tầng khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.
- Giao UBND thành phố Hà Nội trao đổi với các cơ quan liên quan để xử lý đúng quy định đối với khoản tiền Vinaconex thu từ việc chuyển nhượng diện tích 12.996 m² tăng 1 các nhà chung cư cao tầng khu đô thị Trung hòa - Nhân chính.
- Giao Bộ Tài chính xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với khoản tiền do Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex không thu của các cổ đông khác khi được Vinaconex bù đắp các khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông là thể nhân và pháp nhân khác chưa nộp khi ghi tăng vốn điều lệ.

Phó Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Thanh tra Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan thực hiện các ý kiến kết luận nêu trên và báo cáo Thủ tướng trong tháng 4 năm 2011.

Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất cứ khoản điều chỉnh nào liên quan đến các vấn đề nêu trên.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Hợp đồng liên doanh ký trong năm 2009 giữa Công ty Sonakali International Limited, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thỏa thuận thành lập Công ty TNHH Sonakali Việt Nam, vốn điều lệ của Công ty liên doanh là 350 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cam kết góp 20% vốn điều lệ tương đương 70 tỷ VND bằng một phần chi phí Khu đất HH, Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng.

Theo Quyết định số 900/2009/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel (VVHA., JSC). Vốn điều lệ 3.000 tỷ VND, trong đó, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam góp 780 tỷ VND, tương ứng với 26% vốn điều lệ Công ty. Nguồn vốn góp của Tổng Công ty được trích từ Quỹ phát triển sản xuất và các nguồn vốn hợp pháp khác của Tổng Công ty.

31. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty lên 5.000 tỷ đồng. Hiện tại, Tổng Công ty đang tiến hành các thủ tục xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thực hiện tăng vốn theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

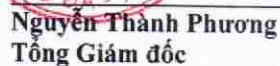
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Mẫu số B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ngày 03 tháng 6 năm 2011, tại Công văn số 00949/2011/VC-VICEM gửi Thủ tướng Chính phủ về việc Hợp tác tái cấu trúc vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("VCG") và Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("VICEM") đã đạt được thỏa thuận về việc tái cấu trúc Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, theo đó VCG sẽ chuyển nhượng cho VICEM một phần vốn điều lệ VCG đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả, theo đề xuất của 02 Tổng Công ty: VICEM có thể được nhận chuyển nhượng tới 75% giá trị cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả từ VCG. Kế hoạch chuyển nhượng vốn đã được xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Số liệu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét.



Ngày 29 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng